

Ngày 18 tháng 03 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,160.43	748	15,080,000
Được chi trong ngày					15,080,000
Đã chi trong ngày					15,080,000
1. Dịch vụ					1,520,400
1	Dịch vụ thu		0	386	0
2	Dịch vụ thu		4,200	362	1,520,400
3			0	362	0
2. Kho					2,963,644
 Ăn sáng					345,000
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	15	345,000
 Ăn chính					2,618,644
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	35	805,000
2	Sữa bột Nuti trường học	Kg	259,092	7	1,813,644
3. Đi chợ					10,595,956
 Ăn sáng					3,564,600
1	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.5	120,000
2	Tỏi	Kg	150,000	0.8	120,000
3	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.5	75,000
4	Đường cát	Kg	30,000	1	30,000
5	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.5	37,500
6	Dầu cá Raneekids	Chai	68,000	1	68,000
7	Muối iốt	Gói	4,000	1.02	4,100
8	Ngò rí	Kg	50,000	1.4	70,000
9	Phô mai Con bò cười	Hộp	35,000	10	350,000
10	Hành lá	Kg	50,000	1	50,000
11	Bí đỏ	Kg	30,000	10	300,000
12	Thịt bò	Kg	260,000	9	2,340,000
 Ăn chính					7,031,356
1	Đậu hũ chiên	Kg	4,000	15	60,000
2	Cà chua	Kg	30,000	7.5	225,000
3	Hành củ tươi	Chai	80,000	1.9	152,000
4	Rau ngổ	Kg	20,000	0.3	6,000
5	Tỏi	Chai	150,000	1.2	180,000
6	Thơm (Dứa)	Chai	25,000	2	50,000
7	Dầu thực vật	Gói	50,000	1.4	70,000
8	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	14	1,820,000
9	Đường cát	Hộp	30,000	2	60,000
10	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	1.4	35,000
11	Muối iốt	Kg	4,000	1.56	6,256
12	Rau húng quế	Kg	20,000	0.2	4,000
13	Rau tần ô	Kg	35,000	18	630,000
14	Đường phèn	Kg	35,000	1.4	49,000
15	Ngò rí	Kg	50,000	1.3	65,000
16	Cá bớp	Kg	385,000	1.5	577,500
17	Hành lá	Kg	50,000	1.6	80,000
18	Sữa chua uống Ánh Hồng	Chai	4,400	389	1,711,600
19	Hành tây	Kg	20,000	3	60,000
20	Gừng tươi	Kg	60,000	1	60,000

21	Ngò gai	Kg	50,000	1	50,000
22	thịt gà ta (bỏ chân, cổ, cánh)	Kg	90,000	8	720,000
23	Củ cái	Kg	20,000	3	60,000
24	Phở tươi	Kg	20,000	15	300,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					35,206,992
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					142,400,208
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					9,779
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					197,385,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					197,385,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán



Phạm Thị Nga

Phó hiệu trưởng



Phạm Thị Hồng Huệ